

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 25 - 01 - 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Mai

Ông Vũ Đình Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Trí L – sinh năm: 1996; Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V – sinh năm: 1973; Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Trí L trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông V bà T có hỏi vay tôi số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để sử dụng mục đích công việc gia đình, sau đó tôi chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 50110000814266 của ông Nguyễn Hữu V tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) vào ngày

27/02/2023. Vợ chồng ông V hẹn tôi vay số tiền trên trong khoảng 01 tháng sẽ trả lại cho tôi. Đến hẹn tôi đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở và đòi nợ nhưng vợ chồng ông V không thực hiện việc trả nợ cho tôi. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của tôi, tôi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông V, bà T phải trả cho tôi số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/12/2023, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/12/2023 ghi nhận được lời khai của ông L như sau: Ông L cho ông Nguyễn Hữu V vay số tiền 200.000.000 đồng, vay không có lãi suất, người hỏi vay tiền và nhận tiền vay chỉ có một mình ông V. Theo ông L thì ông V vay tiền để kinh doanh bất động sản. Việc kinh doanh là việc làm ăn riêng của ông V không liên quan đến bà Lương Thị T là vợ của ông V, bà T chỉ ở nhà làm nội trợ không kinh doanh cùng ông V, không biết và không liên quan đến khoản vay giữa ông L và ông V. Nay ông L không yêu cầu buộc bà Lương Thị T trả nợ cho ông cùng với ông Nguyễn Hữu V nữa và ông đề nghị không đưa bà Lương Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa. Do trong quá trình giải quyết vụ án thì ông V đã trả cho ông L được số tiền 5.000.000 đồng tiền gốc nên nay ông L chỉ yêu cầu ông V trả cho ông số tiền 195.000.000 đồng và lãi suất chậm trả được tính từ khi bản án có hiệu L pháp luật và ông L có đơn yêu cầu thi hành án.

** Bị đơn ông Nguyễn Hữu V trình bày:*

Lý do tôi có biết cháu L có cho vay tiền, cũng là con cháu trong nhà nên tôi có vay của cháu L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để phục vụ vào công việc làm ăn riêng nên vợ con tôi không biết, không liên quan số tiền vay của cháu L. Do công việc làm ăn thua lỗ, gặp nhiều khó khăn, nên lâu nay tôi không trả lãi cộng gốc cho cháu L được. Và tôi có khát cháu L là khi nào tôi bán được nhà thì tôi trả lại tiền cho cháu nó. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, với khả năng thu nhập của tôi. Hiện tại cũng không hứa hẹn trả được trong một sớm, một chiều, mà chỉ hứa là khi nào bán được nhà thì tôi sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền gốc 200.000.000 đồng và xin cháu tiền lãi. Và việc vay tiền này không liên quan gì đến vợ tôi và cũng không sử dụng chung vào gia đình và tiêu dùng chung của 02 vợ chồng. Vào ngày 04/12/2023 tôi đã trả cho cháu L được 5.000.000 đồng. Nay phía nguyên đơn khởi kiện đòi tôi trả số tiền 195.000.000 đồng, tôi chưa có phương án trả nợ cho cháu L, khi nào bán được tài sản thì tôi mới có phương án trả nợ cho cháu L. Tại phiên tòa ông V thừa nhận vay có lãi suất tuy nhiên chỉ là thỏa thuận miệng, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, ông cũng thừa nhận chưa trả cho ông L được tháng lãi nào, nay ông V hứa sẽ trả cho ông L số tiền 195.000.000 đồng, tuy nhiên ông đề nghị cho ông trả nợ trong thời gian khoảng 05 năm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định ông Nguyễn Hữu V có vay và còn nợ của ông Trần Trí L số tiền 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Do đó, việc ông L yêu cầu là có căn cứ, đề nghị HĐXX buộc ông V phải trả cho ông L số tiền 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu V cư trú tại phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Về việc đưa bà Lương Thị T ra ngoài vụ án và không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Trí L thừa nhận việc vay nợ trên thì bà T là vợ ông V nhưng bà không biết, không nhận tiền vay, không liên quan, đây là khoản vay riêng của ông V, nên ông L chỉ yêu cầu một mình ông Nguyễn Hữu V trả nợ cho ông, ông L cũng đề nghị không đưa bà Lương Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa. Bị đơn ông Nguyễn Hữu V cũng thừa nhận khoản vay trên là khoản vay riêng giữa ông với ông L, vợ ông là bà Lương Thị T không biết, không liên quan gì đến khoản vay này. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay tiền giữa các bên đương sự không liên quan gì đến bà Lương Thị T nên đưa bà T ra ngoài vụ án và không tham gia tố

tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự cho thấy ông Nguyễn Hữu V có vay của ông Trần Trí L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), quá trình thực hiện hợp đồng thì ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mới trả cho ông L được số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc. Nay ông L yêu cầu ông V trả nợ số tiền đã vay còn lại 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Nguyên đơn thừa nhận vay trong thời hạn 01 tháng và không lãi suất, nên không yêu cầu tính lãi. Bị đơn cho rằng vay có lãi suất, tuy nhiên cả nguyên đơn và bị đơn đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc vay là có kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định việc vay nợ giữa các bên là vay không có kỳ hạn và không có lãi suất. Ngoài ra việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông Trần Trí L buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V phải trả cho ông tiền lãi suất chậm trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi ông L có đơn yêu cầu thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trí L

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm trả cho ông Trần Trí L số tiền 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Trần Trí L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hữu V chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền trên thì hàng tháng ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho ông Trần Trí L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013807 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.750.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Nguyễn Văn Hùng